TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG THỔ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2024/HS-ST
Ngày 19 tháng 4 năm 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỔ, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Trung Tá.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Quang Minh, ông Lò Văn Chiên.

Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Đoàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 70/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **G A D;** tên gọi khác: Không có tên gọi khác; giới tính: ..; sinh năm: 19..; tại: ..; nơi cư trú: .., tỉnh Lai Châu; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: ..; tôn giáo: ..; Trình độ học vấn: ..; Nghề nghiệp: ..; Con ông G V D – đã chết và bà C T M, sinh năm 19... Bị cáo có vợ là S T M, sinh năm 19.. và .. con; Tiền sự: Không;

Tiền án: Bản án số 35/2013/HSST ngày 24/4/2013 của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 138, điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 60 BLHS xử phạt G A D 6 tháng tù cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 03/6/2013 G A D đã thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm. Khi chưa hết thời gian thử thách, D tiếp tục phạm tội Bắt giữ người trái pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 123 BLHS 1999 và bị VKSND huyện Phong Thổ truy tố với tội danh trên, bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/7/2013, sau đó D bỏ trốn và bị truy nã, đến ngày 02/01/2018 D bị bắt. Tại Bản án số 34 ngày 30/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ áp dụng khoản 1 Điều 123, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999, khoản 5 điều 60, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 1999; Điều 106, 136 BLTTHS xử G A D 03 tháng tù, buộc bị cáo phải chấp hành bản án số 35/2013/HSST ngày 24/4/2013 của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tổng hợp hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 09 tháng tù. Về trách nhiệm

dân sự phải bồi thường cho bị hại là bà: V T M số tiền: 10.000.000 đồng. Bị cáo chưa thi hành khoản tiền bồi thường. Do tội bắt giữ người đến năm 2018 mới xét xử và có hiệu lực nên bị cáo có 01 tiền án.

Nhân thân:

Tại bản án số 07/HSST ngày 26/11/2004 của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ xử phạt G A D 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo phải chịu 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 03/6/2005 bị cáo đã thi hành xong tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Tại bản án số 22/2006/HSST ngày 12/4/2006 của của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ xử phạt G A D 24 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản tổng hợp hình phạt tại bản án số 07/HSST ngày 26/11/2004 của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, buộc bị cáo phải chấp hành tổng hình phạt 36 tháng tù. Bị cáo phải nộp 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 10/8/2006 bị cáo thi hành xong tiền án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 09/10/2008 G A D chấp hành xong hình phạt tù. Tính đến ngày phạm tội đã được xóa án tích.

Bị cáo đang chấp hành án về tội Trộm cắp tài sản tại trại giam Hồng Ca – Bộ Công an, được trích xuất về trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu phục vụ điều tra, truy tố, xét xử từ ngày 30/11/2023 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **S A S;** tên gọi khác: Không có tên gọi khác; giới tính: ..; sinh ngày .. tại: .., tỉnh Lai Châu; nơi cư trú: .. tỉnh Lai Châu; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: ..; tôn giáo: ..; trình độ học vấn: ..; nghề nghiệp: ..; con ông S A L, sinh năm 19.. và bà C T M, sinh năm 1... Bị cáo có vợ là G C M, sinh năm .., con: bị cáo có .. con; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: Tại Bản án số 35/2013/HSST ngày 24/4/2013 của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 138, điểm b, g, h, o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 31; Điều 68, Điều 69; Điều 71, Điều 73 chương X Bộ luật hình sự xử phạt S A S 6 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày tuyên án. Không khấu trừ thu nhập và không phạt tiền bị cáo S A S. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo đã thi hành xong tiền án phí hình sự sơ thẩm. Tính đến ngày phạm tội bị cáo chấp hành xong hình phạt. Tại thời điểm phạm tội bị cáo chưa thành niên nên đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/3/2024 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu.

* Người bị hại: Anh C V N, sinh năm 19... Địa chỉ: .. huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

* Người làm chứng: Anh L A P, P A T, P A L, L V B. Đều có cùng địa chỉ: .. huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Đều vắng mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: S A N, sinh năm ... Địa chỉ: .., huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 08/12/2013, S A N, đang ở nhà một mình thì có G A D, và S A S đến nhà chơi, ba người nói chuyện và rủ nhau đi trộm cắp trâu đem sang Trung Quốc bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Trước khi đi D có chuẩn bị đem theo một chiếc đèn pin không nhớ loại nào và mang theo một chiếc nồi, dây thừng to bằng ngón tay cái, một cái kìm và tất cả cho vào trong túi vải của người dân tộc D, N đem theo một túi vải loại túi của người dân tộc D, cơm, dây thừng và đèn pin, còn S cũng đem theo một đèn pin, cơm đựng trong túi nilon và cho tất cả vào túi vải màu đỏ, trắng, xanh của người dân tộc D. Ba người thống nhất đi theo đường mòn nếu thấy trâu ở đâu sẽ bắt trộm. Đến sáng ngày 09/12/2013, N, D, S đi đến khu vực bãi chăn thả trâu thuộc bản Po Chà, xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu do trời sáng nên sợ bị người dân phát hiện nên cả 3 cùng nhau nghỉ ở trên đồi chờ đến khi trời gần tối thì sẽ đi tìm bắt trộm trâu. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày D, N, S cùng nhau đi tìm trâu. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày thì phát hiện có 02 con trâu cái lông màu đen, một con 13 tuổi, một con 04 tuổi của gia đình anh C V N, sinh năm .., trú tại bản Po Chà, xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ ở bãi ruộng hoang không có người trông coi. Lúc này N, D, S cùng đi đến gần để vây bắt và D đã bắt giữ được con trâu cái 13 tuổi, còn N bắt giữ được con trâu cái 04 tuổi, S thì giúp lùa bắt. Sau khi bắt được trâu, D dắt con trâu cái 13 tuổi đi trước, N dắt con trâu cái 04 tuổi theo sau, còn S thì bẻ cây dại ở gần bờ ruộng đuổi ở phía sau. Trên đường đi nếu ai mệt thì thay nhau dắt trâu đi theo đường mòn trên đồi hướng về xã Mù Sang. Đến khoảng 2 đến 3 giờ sáng ngày 10/12/2013 do đường khó đi và phải đi xuống dốc cao xuống đường mòn thì cả 3 phải dừng lại, D đi xuống trước xem đường thì thấy ở bờ rào đi vào đồi cao su thuộc bản Ngài Trò, xã Nậm Xe có dây thép gai nên D đã dùng kìm đem theo trước đó cắt khoảng 2 đến 3 dây thép rồi kéo mở ra để lấy lối đi, sau đó S và N đuổi trâu từ trên đồi cao xuống đường, trâu bị trượt chân và để lại vết trượt. Khi đi xuống đến đường thì D dắt con trâu cái 13 tuổi đi trước, N dắt con trâu cái 4 tuổi theo sau còn S thì đi sau cùng đuổi trâu cùng đi vào trong đồi cao su rồi đi tiếp. Đến khoảng 6 giờ sáng sợ bị người dân phát hiện và định đợi đến khi

trời chập tối sẽ tiếp tục dắt trâu đi tiếp nên cả 3 dừng nghỉ ở khu vực đồi cao su và buộc trâu vào cây rừng cách chỗ ngồi nghỉ khoảng 10 mét.

Khoảng 07 giờ sáng ngày 10/12/2023, anh C V N đi ra bãi chăn thả trâu không thấy trâu, anh cùng gia đình đi tìm nhưng không thấy nên đã làm đơn trình báo. Khoảng gần 08 giờ ngày 10/12/2013, khi anh L A P, sinh năm 1987 là công an viên bản Ngài Trò, xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ đi qua đường mòn khu vực trâu trượt từ trên đồi cao xuống đường mòn, thấy có dấu vết còn mới, dây thép gai đi vào đồi cao su bị cắt, anh P đi theo phát hiện dấu vết chân trâu, nghi là có người trộm trâu nên anh đã gọi thêm anh L A T, sinh năm 1.., anh P A L, sinh năm 1995, L A B, sinh năm 1994 cùng trú tại bản Po Chà, xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đi tìm kiếm. Đến khoảng hơn 8 cùng ngày khi mọi người đi đến khu vực đồi cao su thuộc bản Ngài Trò, xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ nơi D, S, N đang nghỉ thì phát hiện trâu và người nên anh L đã hô to và đuổi bắt, lúc này D, S, N đang ngồi gần nhau nói chuyện, để túi vải mang theo ở gần chỗ ngồi bỏ cơm nắm ra chưa kịp ăn cơm thì nghe tiếng hô to, thấy vậy D, S, N bỏ chạy mỗi người một hướng và bỏ lại túi vải và đồ vật mang theo. S và D chạy xuống hướng khe đồi sau đó chạy ngược lên đỉnh đồi và bỏ chạy về hướng xã Mù Sang, huyện Phong Thổ. Còn N chạy được khoảng 500m thì bị người dân bắt giữ được.

D, S sau khi bỏ chạy đi về nhà, biết N đã bị phát hiện bắt giữ nên D, S đã đi sang Trung Quốc đi làm thuê đến năm 2021, D bị bắt trong vụ án trộm cắp tài sản khác. Ngày 30/11/2023 D được trích từ trại giam Hồng Ca về trại giam Công an tỉnh Lai Châu để phục vụ hoạt động điều tra, truy tố, xét xử. Đến ngày 02/3/2024, Sở bị bắt theo Lệnh bắt bị can để tạm giam của Cơ quan điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 02/HĐĐGTS ngày 18/12/2013 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phong Thổ kết luận:

+ 01 (một) con Trâu cái lông màu đen 13 tuổi, trọng lượng khoảng 320 kg tại thời điểm tháng 12/2013 có giá bán là 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng).

+ 01 (một) con Trâu cái lông màu đen 04 tuổi, trọng lượng khoảng 240 kg tại thời điểm tháng 12/2013 có giá bán là 24.000.000 đồng (hai mươi tư triệu đồng).

Tổng giá trị hai con trâu là: 56.000.000 đồng (năm mươi sáu triệu đồng).

Ngày 03/4/2014 Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đã xét xử tuyên phạt S A N 36 tháng tù, đến nay S A N đã chấp hành xong án phạt tù.

Tại Bản cáo trạng số: 26/CT-VKS ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu để xét xử bị cáo G A D và S A S về

tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đã truy tố, không oan, không sai.

Người bị hại có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa đồng thời không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, về trách nhiệm hình sự người bị hại đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: S A N vắng mặt, đề nghị các bị cáo D và S mỗi bị cáo phải trả cho N số tiền 4.000.000 đồng N đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại. Các bị cáo nhất trí.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo G A D và S A S về tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009

Về hình phạt:

- Đề nghị áp dụng Nghị quyết 41/2017/QH14, ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội Về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13; điểm e khoản 2 Điều 138; Điều 33, Điều 20, Điều 53; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo D và bị cáo S.

- Áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm t khoản 1 Điều 51, Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo G A D từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 6 tháng tù, tổng hợp chung với hình phạt 02 năm 02 tháng tù (được khấu trừ 09 ngày tạm giữ) của bản án số 29/2022/HS – ST ngày 10/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu;

- Áp dụng thêm các Điều 90, 91, 101 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo S A S từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh gia đình bị cáo D khó khăn, không có khả năng thi hành hình phạt tiền, đề nghị không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo S theo khoản 6 Điều 91 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về án phí: Đề nghị miễn án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm cho các bị cáo do các bị cáo sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị căn cứ Điều 584, 585, 586, 587, 589 BLDS, Điều 246 BLTTDS công nhận sự thỏa thuận của các bị cáo với N, theo đó bị cáo D và S có trách nhiệm trả cho Nhà mỗi bị cáo 4.000.000 đồng.

Các bị cáo không tranh luận đối đáp với đại diện Viện kiểm sát, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các tài liệu, chứng cứ được thu thập theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ cơ sở xác định các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như sau: Vào khoảng 19 giờ ngày 09/12/2013 tại khu vực bãi thả trâu thuộc bản Po Chà, xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, lợi dụng đêm tối và việc chăn thả gia súc không có người trông coi G A D, S A S và S A N, đã trộm cắp một con trâu cái, lông màu đen 13 tuổi và một con trâu cái lông màu đen 4 tuổi của gia đình anh C V N có tổng trị giá tài sản là 56.000.000 đồng. Mục đích các bị cáo trộm cắp để đem sang Trung Quốc bán lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân.

Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm gây ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội trên địa bàn. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản của người khác. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do vậy, hành vi của bị cáo G A D, S A S đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản theo điểm e khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Do vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình đã gây ra. Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ.

[3] Về nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo:

Các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi của mình, các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng xa đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với G A D: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội S A S đã lẩn trốn sự truy xét của cơ quan điều tra. Trong quá trình điều tra bị cáo D đã cung cấp thông tin về nơi cư trú của bị cáo S giúp Cơ quan điều tra bắt tạm giam được S, giải quyết vụ án một cách triệt để. Tại bản kết luận điều tra số 18/KLĐT – CQĐT ngày 10/3/2024 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phong Thổ đề nghị xem xét là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo D có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là tái phạm.

Đối với S A S khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên áp dụng chương XII Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo. Căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017, Điều 107 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2017, Điều 425 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 bị cáo S A S không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách trách nhiệm hình sự tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2017.

Về nhân thân: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn thấp. Các bị cáo đều có nhân thân xấu, đặc biệt là bị cáo D đã bị xét xử 5 lần trong đó 4 lần phạm tội về trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm cho bản thân.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đảm bảo tính răn đe phòng ngừa chung và trừng phạt đối với các bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh gia đình bị cáo D khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Bị cáo S gia đình khó khăn, khi phạm tội chưa thành niên nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đã được giải quyết ở vụ án khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đối với yêu cầu của người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Người bị hại, anh C V N có đơn xin vắng mặt, đã nhận được số tiền bồi thường thiệt hại 12 triệu đồng. Anh N không có yêu cầu thêm về bồi thường. Về

trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, anh N đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan S A N, đồng phạm với các bị cáo trong việc thực hiện hành vi phạm tội đã bị xét xử và chấp hành xong hình phạt 36 tháng tù. N phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường cho bị hại 12 triệu đồng, trong vụ án này N yêu cầu bị cáo D và S liên đới bồi thường cùng N, mỗi bị cáo phải trả cho N 4 triệu đồng. Bị cáo D, S nhất trí. Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của N với D và S.

[7] Về án phí: Miễn án phí cho các bị cáo do điều kiện kinh tế các bị cáo khó khăn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo G A D, S A S phạm tội "Trộm cắp tài sản"

- Áp dụng Nghị quyết 41/2017/QH14, ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội Về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13; điểm e khoản 2 Điều 138; Điều 33, Điều 20, Điều 53 BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo D và bị cáo S.

- Áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm t khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo G A D 02 năm 03 tháng tù, tổng hợp chung với hình phạt 02 năm 02 tháng tù được khấu trừ 09 ngày tạm giữ từ ngày 07/7/2021 đến ngày 16/7/2021 của bản án số 29/2022/HS – ST ngày 10/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Hình phạt chung bị cáo phải chấp hành 04 năm 04 tháng 21 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10 tháng 3 năm 2022.

- Áp dụng thêm các Điều 90, 91, 101 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo S A S 01 năm 07 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/3/2024

2. Căn cứ Điều 246 Bộ luật tố tụng Dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa S A N với G A D và S A S trong việc liên đới bồi thường số tiền 12.000.000 đồng mà N đã bồi thường trước cho bị hại C V N. Theo đó, bị cáo D và S mỗi bị cáo phải trả cho S A N số tiền 4000.000 đồng.

3. Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng

12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- CQCSĐT CA huyện Phong Thổ;
- CQTHAHS CA huyện Phong Thổ;
- CCTHADS huyện Phong Thổ;
- Bị cáo;
- Bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Trung Tá